

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:03/2021/HS -ST

Ngày: 26- 01- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hựu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Giao.

2. Bà Đặng Thị Thu Vui.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Khúc, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 12 năm 2020 đối với:

- ***Bị cáo:*** Nguyễn Trọng Đ, sinh năm: 1993; tại: Long An; Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh A; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Huỳnh Thị bị cáo chưa có vợ; tiền án: có 04 tiền án, cụ thể: ngày 30/11/2012 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh A xử phạt 08 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, ngày 21/9/2015 bị Tòa án nhân dân Thị xã T, tỉnh A xử phạt 01 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, ngày 20/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh A xử phạt 09 tháng tù về tội “ Trộm cắp tài sản”, ngày 14/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “ Trộm cắp tài sản”. Đến ngày 23/06/2019 chấp hành xong hình phạt tù và chấp hành xong nghĩa vụ án phí; Tiền sự: Chưa; nhân thân: ngày 13/05/2010 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An ra Quyết định số 549/QĐ-UB-NC về việc đưa vào trường giáo dưỡng do có hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- ***Bị hại:*** Anh Lê Văn T, sinh năm: 1989 (*vắng mặt*).

Nơi cư trú: Ấp 4, xã H, huyện H, tỉnh A.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:***

1. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm: 1962; Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh A (*vắng mặt*).

2. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1955; Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện H, tỉnh A (có mặt)

3. Anh Nguyễn Phước T, sinh năm: 1990; Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện B, tỉnh T (vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Trương Văn Q (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị M (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào sáng ngày 12/5/2020, Nguyễn Trọng Đ điều khiển xe máy, biển kiểm soát 66B1 – 239.15 đi từ nhà đến ấp 4, xã H, huyện H, tỉnh A, thấy nhà của anh Lê Văn T mở cửa nhưng không thấy người, Đ dừng xe và đi vào trong nhà, vào phòng ngủ thấy 01 điện thoại di động hiệu REALME 5i, màu xanh lá cây để trên đầu tủ, Đ liền lấy điện thoại để vào túi quần, rồi đi về nhà. Đến ngày 16/05/2020, Đ tiếp tục đi đến nhà của chị Phan Thị H, địa chỉ ấp T, xã T, huyện H, tỉnh A để lấy tài sản thì bị anh Trương Văn Q phát hiện, bắt giữ và giao cho Công An xã T. Qua làm việc, Đ thừa nhận và giao nộp cho Công an xã T số tiền 15.077.000 đồng, 01 xe máy, nhãn hiệu Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 66B1 – 239.15, 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME 5i màu xanh lá cây và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh.

Ngày 03/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh A tiến hành tạm giữ đồ vật gồm: Tiền Việt Nam 15.077.000 đồng, 01 xe máy, nhãn hiệu Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 66B1 – 239.15; Số máy: HC12E5538126; Số khung: RLHHC121XDY538072, 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME 5i màu xanh lá cây và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ViVo màu xanh.

Ngày 07/7/2020, Hội đồng định giá trong tố tụng huyện H, tỉnh A xác định giá trị chiếc điện thoại di động nhãn hiệu REALME 5i, màu xanh lá cây có giá trị thành tiền là 1.800.000 đồng.

Ngày 02/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh A có Quyết định khởi tố vụ án hình sự và Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Trọng Đ.

Ngày 02/10/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H, tỉnh A đã trả lại tài sản cho Nguyễn Trọng Đ số tiền 15.077.000 đồng và 01 điện thoại hiệu Vivo màu xanh. Trả lại cho anh Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME 5i màu xanh lá cây.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-TH ngày 21/12/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng đã truy tố bị cáo Nguyễn Trọng Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng Đ thừa nhận hành vi phạm tội đúng với nội dung của bản cáo trạng truy tố.

Bị hại anh Lê Văn T khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hưng, được tóm tắt như sau: Ngày 12/05/2020 gia đình anh có mất một số tài sản, trong đó có điện thoại di động nhãn hiệu REALME 5i màu xanh lá cây. Nay đã nhận lại chiếc điện thoại và không có yêu cầu bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Phước T khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hưng, được tóm tắt như sau: Năm 2015 có mua xe hiệu Wave alpha, màu xanh đen bạc, đăng ký biển kiểm soát 66B1 – 239.15 do anh đứng tên giấy xe. Năm 2017, đã bán cho người khác nhưng không nhớ tên, giao xe và giấy tờ xe. Nay không có yêu cầu bồi thường và xin giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, bà Huỳnh Thị H khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hưng và tại phiên tòa như sau: Gia đình có mua bán tạp hóa, tiền mua bán thường để trong tủ, ít kiểm tra nên không biết chính xác của số tiền còn lại. Nguyễn Trọng Đ là con, sống chung trong nhà. Số tiền Công an thu giữ của Đ là số tiền của gia đình. Nay đã nhận lại đủ số tiền, không có yêu cầu bồi thường.

Người làm chứng anh Trương Văn Q khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hưng, được tóm tắt như sau: Vào khoảng 11 giờ 50 phút ngày 16/05/2020 phát hiện Nguyễn Trọng Đ vào quán nước của chị Phan Thị H, thấy nghi vấn nên giữ lại và thông báo đến Công an xã T.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị M khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hưng, được tóm tắt như sau: Do nhà gần với Lê Văn T và T là con rể, ngày 12/05/2020 Lê Văn T có gửi con và chìa khóa cổng cho bà để đi ruộng, nhưng bà ở bên nhà của bà, không có qua nhà của T. Đến trưa, T về mới phát hiện mất tài sản.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Trọng Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đ và đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Đ từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Kiểm sát viên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ do bị cáo chưa có nghề nghiệp ổn định và không có tài sản.

Về vật chứng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hưng, tỉnh Long An đã trả lại tài sản cho Nguyễn Trọng Đ số tiền 15.077.000 đồng và 01 điện thoại hiệu Vivo màu xanh. Trả lại cho anh Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME 5i màu xanh lá cây. Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với 01 xe máy, nhãn hiệu Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 66B1 – 239.15; Số máy: HC12E5538126; Số khung: RLHHC121XDY538072 là của anh Nguyễn Phước T, anh T đứng tên đăng ký và đã bán cho Nguyễn Trọng Đ. Nay bị cáo Đ dùng vào việc phạm tội đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Riêng giấy xe bị cáo Đ khai bị mất không tìm được.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố được tiến hành theo trình tự thủ tục, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Trọng Đ đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng theo nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và tang vật của vụ án, đủ cơ sở xác định vào sáng ngày 12/5/2020, bị cáo Đ đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 điện thoại di động, nhãn hiệu REALME 5i, màu xanh lá cây trị giá 1.800.000 đồng của anh Lê Văn T, tại địa chỉ ấp 4, xã H, huyện H, tỉnh A.

Hành vi của bị cáo Đ đã thực hiện lén lút, bí mật đối với chủ sở hữu tài sản nhằm chiếm đoạt tài sản, bị cáo Đ trộm cắp tài sản của anh T có giá trị là 1.800.000 đồng, mặc dù chưa đủ định lượng nhưng do bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản”, Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 01 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tính chất phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu của người khác về tài sản. Đồng thời, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó, cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo Đ để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét về nhân thân của bị cáo Đ: bị cáo có các tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo không sửa đổi, tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp. Do các tiền án được áp dụng làm tình tiết định tội đối với bị cáo nên không áp dụng các tình tiết tăng nặng được quy định điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn và được thu hồi trả lại cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cần xem xét khi quyết định hình phạt.

[4] Kiểm sát viên đề nghị mức hình phạt từ 09 tháng đến 12 tháng tù đối với bị cáo Đ là có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 01 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự thì bị cáo ngoài việc chịu hình phạt chính, bị cáo Đ còn phải chịu hình phạt bổ sung là hình phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Xét thấy, bị

cáo Đ chưa có nghề nghiệp ổn định và chưa có tài sản riêng nên Kiểm sát viên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo là có căn cứ.

[6] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hưng, tỉnh Long An đã trả lại tài sản cho Nguyễn Trọng Đ số tiền 15.077.000 đồng và 01 điện thoại hiệu Vivo màu xanh. Trả lại cho anh Lê Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu REALME 5i màu xanh lá cây là đúng quy định.

Đối với 01 xe máy, nhãn hiệu Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 66B1 – 239.15; Số máy: HC12E5538126; Số khung: RLHHC121XDY538072 là của anh Nguyễn Phước T, anh T đứng tên đăng ký và đã bán cho Nguyễn Trọng Đ. Nay bị cáo Đ dùng vào việc phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Đối với giấy đăng ký xe, bị cáo Đ khai bị mất trong quá trình sử dụng nên không thu hồi được.

[6] Về bồi thường thiệt hại:

Lời khai của anh T có trong hồ sơ và đơn xin giải quyết vắng mặt thể hiện không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến.

Lời khai của anh T có trong hồ sơ khẳng định đã bán xe và không có yêu cầu bồi thường nên không đề cập đến.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trọng Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trọng Đ 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 xe mô tô, nhãn hiệu Wave alpha, màu xanh đen bạc, biển kiểm soát 66B1 – 239.15; Số máy: HC12E5538126; Số khung: RLHHC121XDY538072 do Nguyễn Phước T đứng tên đăng ký, của bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội.

(tài sản đã sử dụng và do Chi cục Thi hành án dân sự đang quản lý)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Trọng Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Hựu